

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (HOSE: CTG)

Doanh thu từ thu hồi các khoản nợ xấu đã xử lý tăng mạnh

Cập nhật KQKD Q3/2024:

Vui lòng truy cập link: [Báo cáo cập nhật nhanh CTG Q3/2024 – Tăng trưởng tích cực để có thêm chi tiết về kết quả kinh doanh Quý 3/2024.](#)

Chúng tôi đã tham dự buổi họp gặp gỡ NĐT Quý 3/2024 của CTG. Dưới đây là một số điểm chính:

1. Tăng trưởng tín dụng và Lãi suất: Tính đến 30 tháng 9, toàn ngành đã tăng khoảng 9%. Ngân hàng nhà nước đã nới lỏng chính sách tiền tệ từ sớm và lãi suất đã ở mức thấp. Khả năng từ nay đến cuối năm, chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục ổn định. Dự kiến tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng có thể đạt khoảng 14%.

Điều hành lãi suất: Ngân hàng Nhà nước đang điều hành mặt bằng lãi suất linh hoạt để ổn định tỷ giá và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Dự báo: Lãi suất huy động sẽ khó giảm mạnh và có thể đi ngang hoặc tăng nhẹ. Việc tăng lãi suất huy động của các ngân hàng cổ phần không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình cân đối vốn của Viettinbank. Vietinbank chưa có kế hoạch tăng lãi suất huy động và dự kiến Casa sẽ tiếp tục duy trì và tăng trưởng tích cực.

2. Kế hoạch 2025 của Vietinbank: CTG dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 10-14%, nguồn vốn tăng 16-18%, lợi nhuận trước thuế tăng khoảng 10%.

3. Chiến lược tăng trưởng tín dụng cuối 2024– 2025: Tập trung vào các phân khúc khách hàng lớn, SME, bán lẻ và FDI.

Tăng trưởng tín dụng của khách hàng lớn khoảng 11-12%, SME khoảng 10%, FDI khoảng 34%, và bán lẻ khoảng 18%. Hiện tại, nhu cầu tín dụng của khách hàng bán lẻ trong quý 3 đã phục hồi và tăng trưởng rõ nét, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tiêu dùng dân cư.

4. Chất lượng tài sản: Dự kiến tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2024 khoảng 1,5%. Chi phí trích lập dự phòng dự kiến khoảng 26-28 nghìn tỷ đồng, phù hợp với dự phóng của chúng tôi.

5. Tình hình thu hồi nợ xấu đến thời điểm hiện tại của Quý 4/2024: Vietinbank đã thu hồi được tổng cộng 6.800 tỷ đồng nợ đã xử lý rủi ro, trong đó phần gốc là 6.500 tỷ và phần lãi là 300 tỷ.

KẾ HOẠCH 2024

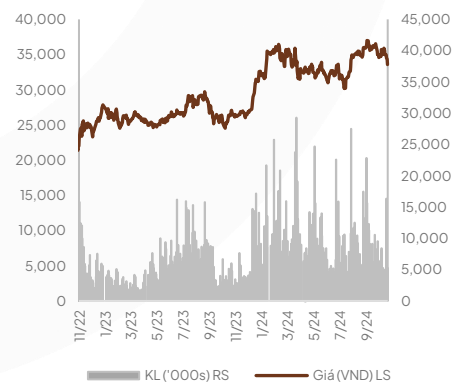
| CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Tổng tài sản | ~8% - 10%/năm |
| Dư nợ tín dụng | Thực hiện theo hạn mức phê duyệt của NHNN |
| Nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư | Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng |
| Tỷ lệ nợ xấu | <1,8%/năm |
| Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ | 26.300 tỷ đồng |
| Cổ tức | Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền |
| Các tỷ lệ an toàn | Tuân thủ quy định của NHNN |

| Ngành | Ngân hàng |
|-------------------|------------|
| Khuyến nghị | Mua |
| Giá mục tiêu 1Y | 38.800 VND |
| Giá cp 15/11/2024 | 33.100 VND |
| Upside (%) | 18% |

THÔNG TIN GIAO DỊCH

| Mã giao dịch | HOSE: CTG |
|----------------------|---------------------|
| KLGD TB 52 tuần | 7.788.751 |
| Khối lượng lưu hành | 5.369.991.748 |
| Biên độ 52 tuần | 26.050 đ - 37.000 đ |
| Vốn hóa doanh nghiệp | 180.431 tỷ VND |
| Beta | 1,13 |
| Sở hữu NĐTNN | 26,49% |

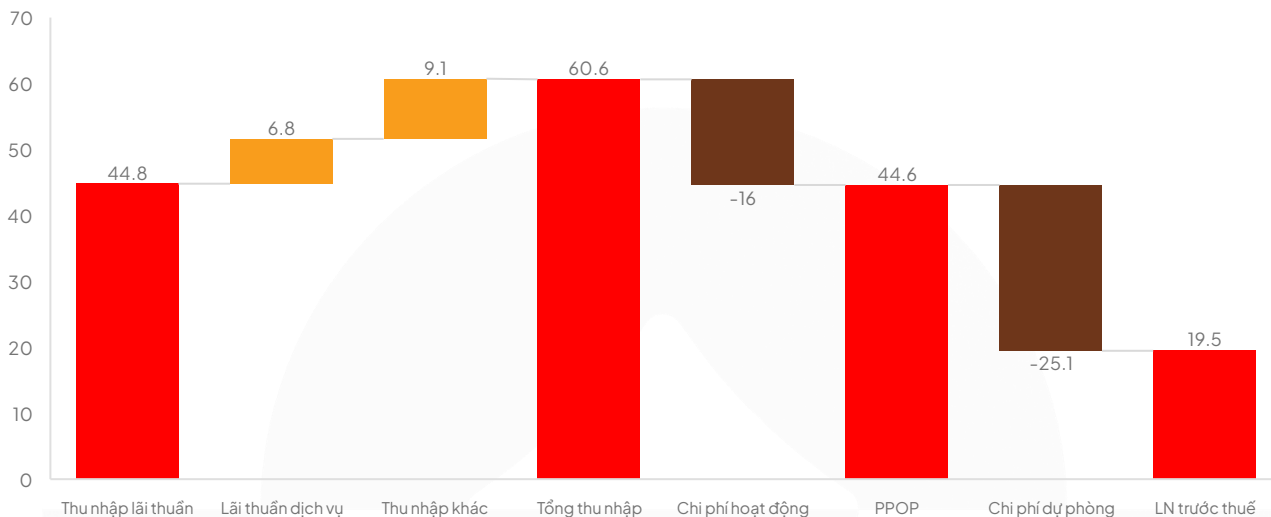
Diễn biến giá cổ phiếu CTG



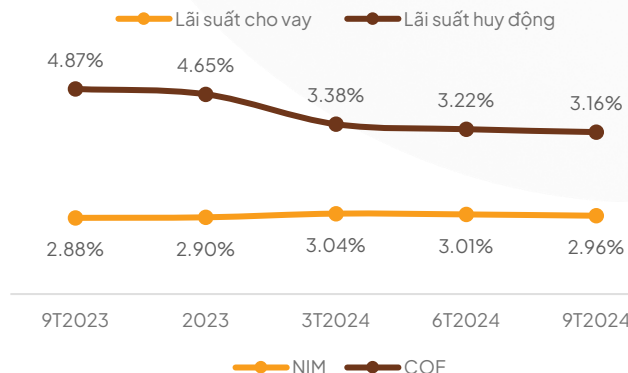
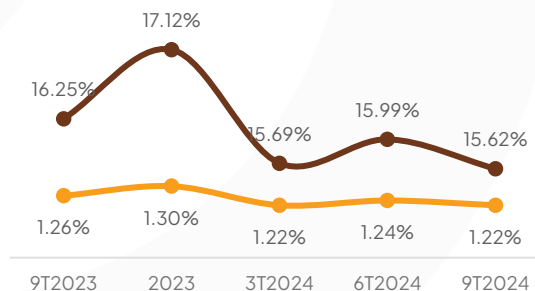
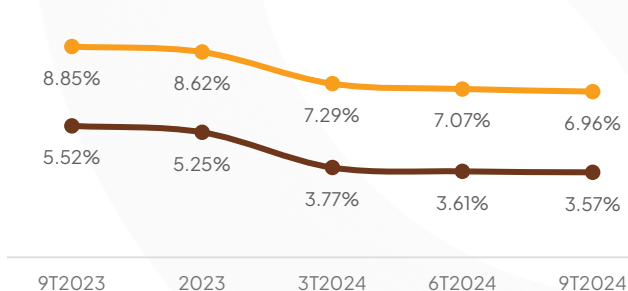
LỢI NHUẬN TĂNG TRƯỞNG NHỜ CÁC NGUỒN KINH DOANH CỐT LÕI

Lợi nhuận 9T/2024

Đơn vị: nghìn tỷ đồng



HIỆU QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG



Các biện pháp cải thiện NIM:

Tăng hiệu suất sinh lời của tài sản: ưu tiên nguồn lực, tập trung cho vay đối với tập khách hàng mang lại hiệu quả cao là SME, Bán lẻ, đẩy mạnh tăng trưởng cho vay tiêu dùng, cho vay SXKD.

Kiểm soát chi phí vốn thông qua công tác thu hút, gia tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn ngắn ngày, tiền gửi ngoại tệ.

QUICK NOTE – Analyst Meeting CTG (Q3/2024)

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| Kết quả kinh doanh (Tỷ đồng) | 2023 | 2024F | 2025F |
|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Thu nhập lãi vay | 132.672 | 133.096 | 151.379 |
| Chi phí lãi vay | 79.714 | 69.220 | 78.588 |
| Thu nhập lãi thuần | 52.957 | 63.876 | 73.201 |
| Thu nhập từ phí dịch vụ | 7.114 | 7.574 | 8.331 |
| Thu nhập ngoài lãi khác | 10.477 | 9.351 | 10.936 |
| Tổng thu nhập ngoài lãi | 17.591 | 16.925 | 19.267 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 70.548 | 80.801 | 92.468 |
| Chi phí hoạt động | 20.443 | 24.025 | 28.419 |
| Chi phí quản lý khác | 0 | 0 | 0 |
| Tổng chi phí hoạt động | 20.443 | 24.025 | 28.419 |
| LN từ HĐKD trước dự phòng | 50.105 | 56.775 | 64.048 |
| Chi phí dự phòng | 25.115 | 27.212 | 25.332 |
| Thu nhập/chi phí khác | 0 | 0 | 0 |
| LN trước thuế | 24.990 | 29.563 | 38.716 |
| Thuế | 4.945 | 5.859 | 7.690 |
| LN ròng | 20.045 | 23.704 | 31.026 |
| Lợi ích CĐTS/cổ tức ưu đãi | (141) | (141) | (141) |
| LN ròng được chia | 19.904 | 23.562 | 30.885 |
| Số CP lưu hành cuối năm (tr) | 5.370 | 5.370 | 5.370 |
| Số CP bình quân gia quyền (tr) | 5.370 | 5.370 | 5.370 |
| EPS (VND) | 3.147 | 3.554 | 4.716 |

| Tỷ lệ (%) | 2023 | 2024F | 2025F |
|---------------------------|--------|--------|--------|
| Khả năng sinh lời | | | |
| NIM | 2,90% | 3,03% | 2,96% |
| Lợi suất tài sản sinh lãi | 7,28% | 6,18% | 5,82% |
| Chi phí huy động | 4,64% | 3,36% | 3,05% |
| CIR | 31,52% | 26,15% | 27,08% |
| ROAA | 1,1% | 1,1% | 1,3% |
| ROAE | 17,0% | 19,7% | 19,3% |
| Thanh khoản | | | |
| CAR theo Basel II | 9,50% | 9,84% | 10,18% |

| Cân đối kế toán (Tỷ đồng) | 2023 | 2024F | 2025F |
|---------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Tiền và tương đương tiền | 9.760 | 9.770 | 9.738 |
| Tiền gửi tại NHNN | 40.597 | 41.409 | 45.550 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 279.842 | 285.438 | 313.982 |
| Cho vay khách hàng | 1.445.572 | 1.661.107 | 1.901.441 |
| Đầu tư dài hạn | 3.426 | 3.441 | 3.441 |
| Tài sản và trang thiết bị | 10.126 | 10.469 | 11.228 |
| Tài sản khác | 243.291 | 241.734 | 234.887 |
| Tổng tài sản | 2.032.614 | 2.253.368 | 2.520.267 |
| Nợ NHNN | 21.814 | 43.000 | 30.000 |
| Huy động & vay liên ngân hàng | 304.322 | 304.322 | 304.322 |
| Vốn cho vay và ủy thác khác | 2.238 | 2.794 | 2.794 |
| Tiền gửi khách hàng | 1.410.899 | 1.587.261 | 1.817.414 |
| Giấy tờ có giá | 115.376 | 129.798 | 148.618 |
| Nợ khác | 51.913 | 41.095 | 46.657 |
| Tổng nợ | 1.906.742 | 2.108.270 | 2.349.805 |
| Vốn CSH của cổ đông | 125.011 | 144.096 | 169.422 |
| Lợi ích CĐTS | 861 | 1.002 | 1.041 |
| Tổng nợ và vốn CSH | 2.032.614 | 2.253.368 | 2.520.267 |

| Tỷ lệ (%) | 2023 | 2024F | 2025F |
|---------------------------|-------|-------|-------|
| Tăng trưởng | | | |
| Tăng trưởng cho vay | 15,5% | 14,5% | 14,5% |
| Tăng trưởng tiền gửi | 12,9% | 12,5% | 14,5% |
| Tăng trưởng LNNT | 19,3% | 18,3% | 31,0% |
| Chất lượng tài sản | | | |
| Nhóm 2 / Tổng dư nợ | 1,55% | 1,55% | 1,55% |
| Tỷ lệ nợ xấu (NPL) | 1,13% | 1,13% | 1,13% |
| Chi phí tín dụng | 1,7% | 1,7% | 1,4% |

Nguồn: Fiinpro & LPBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Phòng Phân tích chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân tích không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân tích - CTCP Chứng Khoán LPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán LPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

Tòa nhà Thaisquare The Merit

43-45-47 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 730 98198

Phòng Phân tích

Email: research@lpbs.com.vn